

**TỔNG HỢP CÁC BẢN ÁN KHỞI KIẾN QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH
TRONG VIỆC ÁP DỤNG THUẾ, THU, TRUY THU THUẾ**

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	336/2022/HC-PT	28/06/2022	TAND TP. Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 336/2022/HC-PT ngày 28/06/2022 của TAND TP. Hồ Chí Minh V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính và quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế”</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng thuế, thu thuế, truy thu thuế - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hành chính - Tòa án xét xử: TAND TP. Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: bà Phạm Thị Yến khởi kiện hành vi hành chính và quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Thuế của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận X <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Ngày 08/5/2020, giữa bà Phạm Thị Y và ông Lâm Thiên B có ký kết Hợp đồng mua bán nhà ở, chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 07447, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 7 đối với căn nhà số 46/2 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, TP.HCM (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng ngày 28/5/2020). Tuy nhiên, đây là hợp đồng giả cách nhằm che giấu cho giao dịch vay tiền của bà Trịnh Thị L với ông C là cha của ông Lâm Thiên B.</p> <p>Bà Y đã khởi kiện yêu cầu giải quyết yêu cầu tuyên bố hủy hợp đồng giả cách nói trên. Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận X, TP.HCM thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, bà Y nhận được tin ông Lâm Thiên B đang thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với việc chuyển nhượng căn nhà số 46/2 đường M, Phường B, Quận G, TP.HCM tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Quận G, TP.HCM.</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1Be5MwXT6Y-2Of5TzoZN0TZHCKdrch9/view?usp=sharing</p>

Nhằm ngăn chặn hành vi không đúng quy định pháp luật của ông Lâm Thiên B, bà Y đã có Đơn yêu cầu không thực hiện các thủ tục xác định các nghĩa vụ tài chính liên quan đến căn nhà 46/2 đường M, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, yêu cầu này của bà không được Chi cục Thuế Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận.

Ngày 29/12/2021 Chi cục Thuế Quận X ban hành Quyết định số 09/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Y (lần đầu), nội dung: bác đơn khiếu nại của bà Y. Nhận thấy nội dung Quyết định số 09/QĐ-CCT của Chi cục Thuế Quận X, TP.HCM là không đúng quy định pháp luật, không thỏa đáng, bởi: Căn cứ Hợp đồng ngày 28/5/2020 thể hiện ông Lâm Thiên B chỉ có trách nhiệm nộp tiền thuế mà không có quyền được khai thuế thu nhập cá nhân của bà Y. Hơn nữa, hợp đồng mua bán nhà ở, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với căn nhà số 46/2 46/2 đường M, Phường B, Quận X, TP.HCM là hợp đồng giả cách và bà Y không ủy quyền cho ông Lâm Thiên B đi khai thuế, nộp tờ khai đóng thuế thu nhập cá nhân.

Theo quy định của khoản 3 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 hướng dẫn thực hiện Luật thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, quy định như sau:

“3. Khai thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

a) Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản thực hiện khai

thuế theo từng lần phát sinh, kể cả trường hợp thuộc đối tượng được miễn thuế.”

Như vậy, nghĩa vụ khai thuế thuộc về cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

Tại điểm d khoản 5 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế có nội dung quy định về nộp hồ sơ khai thuế, không đề cập đến nghĩa vụ khai thuế. Do đó, không thể áp dụng điểm d khoản 5 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC để hợp pháp hóa cho việc ông Lâm Thiên B tự ý kê khai thuế thu nhập cá nhân cho bà Y khi bà Y không ủy quyền cho ông Lâm Thiên B thực hiện kê khai thuế.

Đồng thời, nhà và đất tại địa chỉ số 46/ đường M, Phường B, Quận X, TP.HCM là tài sản đang có tranh chấp, nên việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 3, TP.HCM chấp nhận việc khai thuế của ông Lâm Thiên B, không giải quyết nội dung khiếu nại của bà Y là vi phạm quy định pháp luật.

				<p>Do đó, bà Y khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hủy Quyết định số 09/QĐ-CCT ngày 29/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Y; - Hủy Tờ khai thuế thu nhập cá nhân ngày 03/06/2020 của ông Lâm Thiên B. <p>Tòa Sơ thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 09/QĐ-CCT ngày 29/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Y; 2. Đình chỉ yêu cầu hủy Tờ khai thuế thu nhập cá nhân ngày 03/6/2020 của ông Lâm Thiên B <p>Tòa Phúc thẩm tuyên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Y. 2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: khoản 1 Điều 241, Điều 242 2. Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành 3. Luật Thuế thu nhập cá nhân; 4. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: khoản 1 Điều 32 	
2.	326/2023/HC-PT	15/05/2023	TAND cấp cao tại TP	<p>Bản án số 326/2023/HC-PT ngày 15/05/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế”</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng thuế, thu thuế, truy thu thuế 	https://drive.google.com/file/d/10jHAWqwgdoPnbok_Cst1k2RoddgjmR7I/view?usp=share

			<p>Hồ Chí Minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử:Phúc thẩm - Loại án:Hành chính - Tòa án xét xử:TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Cty P kiện Cục Thuế TPHCM về Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Ngày 21/01/2020, Cục thuế Thành phố H đã ban hành Kết luận thanh tra thuế số 134/KLTT-CT: “Công ty CP Đ đã kê khai sai khi trích lập dự phòng tổn thất đầu tư chứng khoán đối với khoản đầu tư mua cổ phiếu mã FCM với trị giá khoản dự phòng là 67.957.500.000 đồng, đồng thời xác định các khoản kê khai khác bị sai do liên quan đến khoản trích lập dự phòng này.”</p> <p>Dựa trên Kết luận này, Cục trưởng Cục thuế Thành phố H đã ban hành Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 21/01/2020 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế:</p> <p><i>a- Xử phạt bằng tiền với mức phạt: 2.857.490.260 đồng.</i></p> <p><i>Trong đó:</i></p> <p><i>Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ: 2.855.390.260 đồng.</i></p> <p><i>Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, đối với hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ:</i></p> <p><i>2.100.000 đồng.</i></p> <p><i>b- Biện pháp khắc phục hậu quả:</i></p> <p><i>-Truy thu số tiền thuế: 14.276.951.301 đồng</i></p> <p><i>Trong đó: Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) truy thu : 14.276.951.301 đồng.</i></p>	<p>ing</p>
--	--	--	---	----------------------------

-Tiền chậm nộp thuế: 1.233.528.592 đồng.

Trong đó, tiền chậm nộp thuế TNDN (tiểu mục 4918): 1.233.528.592 đồng.

Công ty CP Đ cho rằng:

1. Cục trưởng Cục thuế Thành phố H đã áp dụng sai quy định của pháp luật dẫn đến xác định sai nghĩa vụ thuế TNDN năm 2019 của Công ty Cổ phần Đ cùng với các mức xử phạt vi phạm hành chính, truy thu tiền chậm nộp thuế sai tại Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 21/01/2020.

Đã áp dụng khoản 2, điều 5 thay vì áp dụng khoản 1, điều 5, Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 27/12/2009 của Bộ Tài Chính, tính sai chi phí được trừ của doanh nghiệp với số tiền 67.957.500.000 đồng, dẫn đến truy thu sai số tiền thuế TNDN trị giá 13.591.500.000 đồng.

2. Cục trưởng Cục thuế Thành phố H đã áp dụng sai nguyên tắc xác định về khoản chi phí lãi vay được trừ, sau khi có kết luận thanh tra. Cụ thể: Khi cho rằng chi phí dự phòng là chi phí không được trừ, đồng nghĩa với việc lợi nhuận trước thuế của Công ty P1 lên tương ứng nhưng Cục Thuế lại giữ nguyên mức lợi nhuận trước thuế theo kê khai của Công ty Đ, dẫn đến xác định sai chi phí lãi vay được trừ và làm cho số thuế truy thu qua thanh tra tăng thêm 2.718.300.000 đồng; .

3. Cục trưởng Cục thuế Thành phố H phải tính toán lại các nghĩa vụ thuế phát sinh qua thanh tra.

Theo quy định tại Nghị định số 20/2017/NĐ-CP của Chính phủ, các doanh nghiệp liên kết được tính số lãi vay phát sinh trong kỳ vào chi phí được trừ bằng tối đa 20% của EBIDA (EBIDA = Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước thuế + Khấu hao TSCĐ trong kỳ + lãi vay thực tế phát sinh trong kỳ). Nhưng sau khi cho rằng khoản chi phí dự phòng là chi phí không được trừ, làm tăng thu nhập chịu thuế, Cục trưởng Cục thuế Thành phố H không đồng thời tính tăng lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước thuế để tính EBITDA trong công thức nêu trên, dẫn đến xác định sai Chi phí lãi vay được trừ, qua đó tính sai các nghĩa vụ thuế tương ứng trong Quyết định số 360/QĐ-CT ngày 21/01/2020.

Công ty Đ đã gửi khiếu nại đến Cục trưởng Cục thuế Thành phố H theo đúng trình tự thủ tục quy định. Công ty P4 được quyết định giải quyết khiếu nại số 17/QĐ-CT- KN ngày 10/6/2020 của CTr có nội dung là “Không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại ngày 06/02/2020 của Công ty cổ phần Đ”.

Công ty P5 Đơn khiếu nại lần 2 đến T5. Ngày 28/01/2021, Công ty P4 được Thông báo số 44/TB-TCT của Tổng Cục trưởng Cục T trả lời với nội dung: “Đơn khiếu nại trên không đủ điều kiện thụ lý giải quyết”.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

				<p>Không chấp nhận khởi kiện của Công ty cổ phần Đ yêu cầu hủy quyết định số 360/QĐ-CT ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố H về xử phạt vi phạm hành chính về thuế.</p> <p>Tòa Phúc thẩm tuyên</p> <p>Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện Công ty Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1400/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> Luật Tố tụng hành chính 2015: khoản 1 Điều 241; Điều 116, khoản 1 Điều 193 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điều 32 	
3.	522/2023/HC-PT	10/07/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	<p>Bản án số 522/2023/HC-PT ngày 10/07/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội V/v khiếu kiện quyết định hành chính</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng thuế, thu thuế, truy thu thuế Cấp xét xử: Phúc thẩm Loại án: Hành chính Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Hà Nội Áp dụng án lệ: Không Thông tin về vụ án: NKK: Bà Hà Thị D - NBK: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TQ <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Bà Hà Thị D nguyên là giáo viên trường Trung học cơ sở TQ, huyện YS, tỉnh TQ từ năm 1976 đến tháng 7/2008, thuộc phòng giáo dục huyện YS, tỉnh TQ. Tháng 9/1993, thực hiện xếp ngạch, bậc, hệ số lương theo Nghị định số 25/NĐ-CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ. Tổ chức chính quyền địa phương nay là Sở Nội vụ ra Quyết định số 7225/QĐ-UBND đã thực hiện xếp ngạch, bậc cho bà trái với thông tư hướng dẫn làm bà bị mất hai bậc lương. Từ năm 2000 đến tháng 7/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện YS không nâng lương thường</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1V2sFrNNc2RiBEbief5N2r3mMi3-Ly3CM/view?usp=s_haring</p>

xuyên cho bà theo quy định. Vì vậy, bà công tác và đóng bảo hiểm 31 năm 11 tháng nhưng mới bậc 5/10 và hệ số lương 3,34. Đến tháng 7/2008, UBND huyện YS ra Quyết định số 3226/QĐ-UBND về việc cho bà nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm theo Nghị định số 132/2007/NĐ-CP của Chính phủ khi đơn khiếu nại về chế độ nâng lương thường xuyên của bà chưa được giải quyết theo quy định. Ngày 30/8/2011, UBND huyện YS có văn bản đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh TQ xem xét, giải quyết chế độ theo Quy định số 913/UBND-VX.

Ngày 19/12/2011, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TQ ra Quyết định số 1367/QĐ-BHXH về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của bà khi chế độ nâng lương thường xuyên chưa được giải quyết theo quy định là trái với điểm 4 mục IV Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ quy định: “*Giám đốc bảo hiểm xã hội tỉnh nếu thấy việc nâng lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn không đúng quy định thì Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh phải có văn bản đề nghị người có thẩm quyền quản lý cán bộ, viên chức thực hiện lại theo đúng chế độ quy định. Sau đó mới giải quyết các quyền lợi bảo hiểm xã hội đối với đối tượng được hưởng*”. Như vậy, Quyết định số 1367/QĐ-BHXH tỉnh ngày 19/12/2011 là trái quy định của pháp luật ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Ngày 11/3/2020, Chủ tịch UBND huyện YS, tỉnh TQ ban hành Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 về việc điều chỉnh lại ngạch, bậc, hệ số lương và nâng lương thường xuyên cho bà giai đoạn 1990 đến tháng 7/2008. Căn cứ theo chỉ đạo của UBND tỉnh TQ, ngày 11/12/2020 Chủ tịch UBND huyện YS có buổi đối thoại với bà và đã thống nhất và quyết định chi trả toàn bộ chế độ tiền lương hưu của bà theo mức lương tối thiểu là 1.490.000 đồng/tháng và đã được thể hiện tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện YS. Ngày 05/01/2021, Bảo hiểm xã hội chốt sổ bảo hiểm và tính lương hưu theo đơn đề nghị của bà. Ngày 07/01/2021, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TQ ban hành Quyết định số 1367/QĐ-BHXH về việc điều chỉnh lương hưu của bà theo Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện YS. Vì có Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 19/12/2011 nên đã kéo theo Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 07/01/2021 về việc điều chỉnh lương hưu theo Quyết định số 600/QĐ-UBND chưa đúng vì quyết định này không thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Quyết định của Chủ tịch UBND huyện YS. Như vậy, Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 19/12/2011 ban hành trái với thông tư hướng dẫn kéo theo Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 07/01/2021 sai theo. Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 07/01/2021 đã không thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh TQ và Chủ tịch UBND huyện YS, trái với Điều 29 Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ và trái với Điều 52 Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội. Vì vậy, bà Hà Thị D đề nghị Tòa án:

- Tuyên hủy Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 19/12/2011 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TQ về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng.

- Tuyên hủy Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 07/01/2021 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TQ về việc điều chỉnh chế độ hưu trí.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị D về việc:

1. Hủy Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 19/12/2011 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TQ về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng.
2. Hủy Quyết định số 1367/QĐ-BHXH ngày 07/01/2021 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TQ về việc điều chỉnh chế độ hưu trí.

Tòa Phúc thẩm tuyên

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TQ.
2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Cơ sở pháp lý:

1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: Điều 29, 30, 32; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116; các Điều 191, 194, 206, 344 và Điều 348; khoản 1 Điều 241; Điều 29, 30, 32; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116; các Điều 191, 194, 206, 344 và Điều 348
2. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006
3. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014
4. Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/01/2007 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc

				<p>5. Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật BHXH</p> <p>6. Quyết định số 815/QĐ-BHXH ngày 06/6/2007 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;</p> <p>7. Quyết định số 777/QĐ-BHXH ngày 24/6/2019 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam</p> <p>8. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điều 12</p>	
4.	550/2023/HC-PT	26/07/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	<p>Bản án số 550/2023/HC-PT ngày 26/07/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc áp dụng thuế, thu thuế, truy thu thuế</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng thuế, thu thuế, truy thu thuế - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hành chính - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Hà Nội - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: NKK: CTY TNHH Xây dựng LA - NBK: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC <p>Tóm tắt nội dung vụ án: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng LA (gọi tắt là Công ty LA) là đơn vị thực hiện việc xuất khẩu quặng sắt qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai với mức thuế suất của thuế xuất khẩu phải chịu là 40% theo Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ; Thông tư số 41/2012/TT-BCT; Thông tư số 12/2016/TT-BCT. Quá trình làm thủ tục xuất khẩu quặng sắt, Công ty đã thực hiện việc kê khai và đóng thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên cuối tháng 9/2019 Công ty nhận được Quyết định số 175/QĐ-HQCKLC ngày 24/9/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty với lý do ấn định số tiền thuế xuất khẩu còn kê khai thiếu theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh LC và căn cứ vào khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ. Theo đó Công ty LA phải nộp thêm số tiền thuế bổ</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1T6fvBKeYooPj10QHCvLfYXe2Sbdf-WW/O/view?usp=sharing</p>

sung là: 48.443.042.928 (*Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm hai mươi tám*) đồng.

Ngày 02/12/2019, Công ty LA khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 175/QĐ-HQCKLC ngày 24/9/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC; với lý do sau:

Thứ nhất, Quyết định số 175/QĐ-HQCKLC ngày 24/9/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với Công ty LA đã căn cứ vào khoản 2 Điều 39 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 là không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, cơ quan hải quan có quyền ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu khi thuộc các trường hợp tại điểm a,b,c,d khoản 1 Điều 39 Luật Quản lý thuế. Tuy nhiên, Công ty luôn thực hiện đóng thuế đầy đủ, không bị xử phạt hay có văn bản vi phạm của cơ quan hải quan gửi đến cho Công ty, nên Công ty LA không thuộc trường hợp ấn định thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Quản lý thuế.

Thứ hai, khi ban hành Quyết định số 175/QĐ-HQCKLC Chi cục trưởng Chi cục Hải quan đã căn cứ vào Công văn số 478/KTNN-TH ngày 25/9/2018 của Kiểm toán nhà nước về Báo cáo kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh LC là không chính xác về mặt nội dung.

Công ty LA đã kê khai và nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật và không có hành vi nộp thiếu thuế như trong nội dung Công văn 478/KTNN-TH đã đưa ra. Vì vậy, nội dung trong Công văn 478/KTNN-TH không đảm bảo tính chính xác, việc chưa kiểm chứng tính đúng đắn của văn bản mà đã đưa vào làm căn cứ pháp lý cho quyết định hành chính là sai cơ bản về mặt thủ tục ban hành quyết định.

Thứ ba, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC đã cưỡng chế làm thủ tục xuất nhập khẩu của Công ty LA đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh của Công ty cũng như tổn thất lớn đến uy tín mà Công ty xây dựng bao lâu nay.

Thứ tư, trong nội dung quyết định ấn định thuế của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC ấn định thuế đối với Công ty LA do Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC ông Trần Anh T ký thay không thể hiện việc giao quyền từ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC cho Phó chi cục trưởng nên sai về mặt chủ thể ban hành quyết định.

Thứ năm, hành vi ban hành văn bản của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC dựa vào hành vi không thể hiện trên biên bản. Quyết định ấn định thuế là một chế tài xử phạt nên phải có biên bản vi phạm hành chính, không có biên bản được lập trước khi ban hành quyết định ấn định thuế mà sau khi Công ty LA khởi kiện thì cơ quan hải quan mới có biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty.

Như vậy, cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế đối với Công ty LA là không có căn cứ pháp lý, đây là hành vi hành chính thể hiện qua hành vi của chủ thể và việc xử phạt vi phạm hành chính phải dựa trên biên bản vi phạm nhưng trên quyết định ấn định thuế lại không căn cứ hay dựa trên biên bản vi phạm hành chính.

Ngày 06/4/2020, Công ty LA đã khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 48/QĐ-XPVPHC ngày 12/3/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; với những lý do sau:

Thứ nhất, việc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC ban hành Quyết định số 48/QĐ-XPVPHC ngày 12/3/2020 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan với lý do khai sai khác làm thiếu số tiền thuế phải nộp với hình thức xử phạt chính, phạt tiền 20% số tiền thuế khai thiếu so với quy định và không căn cứ vào nội dung Quyết định số 175/QĐ-HQCKLC ngày 24/9/2019 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng không có thông báo hủy bỏ hoặc thu hồi quyết định trước để ban hành quyết định sau mà Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC ban hành hai quyết định độc lập, song song khiến cho Công ty LA và các bên liên quan có sự nhầm lẫn nghiêm trọng về cách thức xử phạt vi phạm hành chính của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC.

Thứ hai, Quyết định số 48/QĐ-XPVPHC ngày 12/3/2020 xử phạt đối với Công ty LA với lý do đã thực hiện hành vi khai sai khác làm thiếu số tiền thuế phải nộp là không chính xác. Vì Công ty đã thực hiện việc xuất nhập khẩu quặng sắt qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai với mức thuế suất của thuế xuất khẩu là 40% theo đúng quy định của pháp luật về mức thuế suất.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

1. Hủy Quyết định số 175/QĐ-HQCKLC ngày 24/9/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
2. Hủy Quyết định số 48/QĐ-XPVPHC ngày 12/3/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
3. Hủy Quyết định số 37/QĐ-HQCKLC ngày 10/3/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng hình thức trích tiền gửi nộp tại ngân sách Nhà nước.

			<p>4. Hủy Quyết định số 43/QĐ-HQCKLC ngày 12/3/2020 của Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng hình thức trích tiền gửi nộp tại Ngân sách Nhà nước.</p> <p>5. Hủy Quyết định số 105/QĐ-HQCKLC ngày 27/4/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>6. Hủy Quyết định số 537/QĐ-CCTKV ngày 23/6/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực LC - MK về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.</p> <p>Tòa Phúc thẩm tuyên</p> <p>1. Chấp nhận kháng cáo của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC, Kiểm toán Nhà nước khu vực VII; sửa quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh LC.</p> <p>2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng LA đề nghị hủy các quyết định: Quyết định số 175/QĐ-HQCKLC ngày 24/9/2019 (được sửa đổi bằng Quyết định số 36/QĐ-HQCKLC ngày 09/02/2021); Quyết định số 48/QĐ-XPVPHC ngày 12/3/2020 (được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 42/QĐ-SĐXPVPHC ngày 09/02/2021) của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu LC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và các quyết định hành chính có liên quan;</p> <p>3. Bác yêu cầu khởi kiện về bồi thường tổn thất xảy ra với Công ty TNHH Xây dựng LA.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <p>1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 2 Điều 241; Điều 30, Điều 32, Điều 116;</p> <p>2. Luật Quản lý thuế 2006: Điều 36, Điều 39, Điều 109, Điều 110</p> <p>3. Luật Hải quan năm 2014: Điều 86</p> <p>4. Luật thuế xuất khẩu 2005: Điều 4, Điều 8, Điều 9</p>	
--	--	--	--	--

				<p>5. Luật xử lý vi phạm hành chính: Điều 6, Điều 58, Điều 68</p> <p>6. Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ: Điều 33, 35</p> <p>7. Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ: Điều 20</p> <p>8. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điều 32</p>	
5.	07/2023/ HC-PT	30/08/2023	TAND tỉnh Vĩnh Phúc	<p>Bản án số 07/2023/HC-PT ngày 30/08/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính về thông báo nộp thuế và yêu cầu bồi thường thiệt hại”</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng thuế, thu thuế, truy thu thuế - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hành chính - Tòa án xét xử: TAND tỉnh Vĩnh Phúc - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Khiếu kiện quyết định hành chính về thông báo nộp thuế và yêu cầu bồi thường thiệt hại <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Năm 2015, bà H tham gia đấu giá mua quyền sử dụng đất tại cụm kinh tế- xã hội Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (cụm kinh tế Tân Tiến) và trúng đấu giá lô đất 419A. Sau khi có kết quả đấu giá, theo thông báo số: 628/TB-CCCT ngày 04/01/2016 của Chi cục thuế huyện V, số tiền mà bà phải nộp là 7.738.500.000đ. Bà đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách nhà nước thông qua tài khoản của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường mở tài kho bạc nhà nước huyện Vĩnh Tường qua ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn;), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi tham gia đấu giá, đã nộp số tiền cọc ban đầu 500.000.000đ. - Ngày 19/4/2016 nộp 20.000.000đ. - Ngày 27/10/2016 nộp 530.000.000đ. 	<p>https://drive.google.com/file/d/1LJwKHmK5BKF0WKNSghETeUUpnpZNctug/view?usp=sharing</p>

- Ngày 06/01/2017 nộp 300.000.000đ.
- Ngày 24/02/2017 nộp 3.300.000.000đ.
- Ngày 27/02/2017 nộp 3.088.500.000đ.

Tổng số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước là 7.738.500.000đ, đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhà nước.

Ngày 30/11/2017 bà làm thủ tục, nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với lô đất đã trúng đấu giá, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Vĩnh Tường nhận hồ sơ, hẹn đến ngày 11/01/2018 thì nhận kết quả. Nhưng đến hẹn mà không có kết quả, nên bà đã nhiều lần có ý kiến, kiến nghị thì đến ngày 03/6/2019 Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Phúc ban hành công văn 1347/STNMT-VPĐKĐ trả lời bà, lý do không được cấp GCNQSDĐ là do bà còn thiếu tiền chậm nộp ngân sách là 813.417.600đ. Kèm theo công văn trả lời, còn gửi cho bà báo cáo số 10/BC-VPĐKĐ ngày

08/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Vĩnh Tường và Thông báo ngày 20/11/2018 về việc chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ trúng đấu giá thửa đất 419A ngày 09/12/2015. Tuy nhiên, bà không biết và không nhận được các thông báo nêu trên, chỉ đến khi đi làm GCNQSDĐ và không có kết quả thì bà mới biết.

Việc bà đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính số tiền 7.738.500.000đ nhưng không được cấp GCNQSDĐ, vẫn tính lãi phạt là không đúng quy định, xâm phạm đến quyền lợi của bà. Số tiền trên được nộp tại ngân sách nhà nước, tài khoản của UBND huyện Vĩnh Tường, Kho Bạc huyện Vĩnh Tường quản lý nên UBND huyện Vĩnh Tường và Chi cục thuế phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà.

Bà H khởi kiện và đề nghị:

- Hủy Thông báo ngày 20/11/2018 của Chi cục thuế khu vực Vĩnh Tường về việc nộp tiền chậm nộp do chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ trúng đấu giá thửa đất số 419A tại cụm Tân Tiến, Vĩnh Tường.
- Buộc Chi cục thuế khu vực Vĩnh Tường và UBND huyện Vĩnh Tường phải liên đới bồi thường khoản tiền lãi đối với số tiền 7.738.500.000đ (tính từ tháng 3/2018 đến hết ngày 17 tháng 6 năm 2022; $7.738.500.000đ \times 62 \text{ tháng} \times 0,8\%/01 \text{ tháng} = 3.913.377.000đ$).

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc “Khiếu kiện, yêu cầu hủy quyết định hành chính về thông báo nộp thuế”:
2. Hủy Thông báo nộp thuế ngày 20/11/2018 của Chi cục thuế khu vực V về việc thông báo cho bà Lê Thị H phải nộp khoản tiền chậm nộp là 813.417.600đ.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường và Chi cục thuế khu vực V phải liên đới bồi thường cho bà khoản tiền lãi 3.913.377.000đ.

Tòa Phúc thẩm tuyên

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường về việc không tiến hành lấy lời khai của người khởi kiện; không thu thập hồ sơ tham gia đấu giá của bà H; không thu thập tài liệu về việc phân bổ ngân sách đối với số tiền bà H đã nộp 7.738.500.000đ
2. Bác kháng cáo của người khởi kiện; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.
3. Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HCST ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cụ thể như sau: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu hủy quyết định hành chính về thông báo nộp thuế ngày 20/11/2018 của Chi cục thuế khu vực Vĩnh Tường về việc thông báo cho bà Lê Thị H phải nộp khoản tiền chậm nộp là 813.417.600đ và yêu cầu khởi kiện về việc buộc Chi cục thuế khu vực Vĩnh Tường và Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường và phải liên đới bồi thường khoản tiền lãi 3.913.377.000đ.

Cơ sở pháp lý:

1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: Điều 193, Điều 34; khoản 4 Điều 233; khoản 3 Điều 229; khoản 1,2 Điều 241; Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348
2. Bộ luật Dân sự: Khoản 2 Điều 584
3. Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quản lý thuế ngày 20/11/2012

				<ol style="list-style-type: none">4. ; Luật quản lý ngân sách 20155. Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 và văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/20146. Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/20127. Thông tư số 02/2015/TT – BTC ngày 05/01/2015; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/20148. Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMTBTP9. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.	
--	--	--	--	---	--